

Bản án số: **102/2020/HSST**

Ngày 28/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hà và bà Đặng Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2020/TLST-HS, ngày 30/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HS, ngày 14/12/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1999, tại Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10 /12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 và con bà Lê Thị A, sinh năm 1979; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Bị hại:** Cháu Đỗ Thị H, sinh ngày 19/8/2004, trú tại: thôn 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1983 (mẹ đẻ cháu Huệ). Trú tại: thôn 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*)

**** Người làm chứng***

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*)

2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*)

3. Chị Trương Thị H, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 23/9/2020, Nguyễn Văn T, Đỗ Thị H đến nhà Lê Thị N, trú tại thôn Đ, xã K, huyện Y để dự sinh nhật N. Khoảng 22 giờ 30 phút, sau khi ăn cơm xong H ra bàn uống nước ngồi và để điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y20, màu xanh trên ghế bên cạnh chỗ ngồi. Lúc này, T đi vào bàn chỗ H đang ngồi tìm bật lửa hút thuốc thì nhìn thấy chiếc điện thoại di động của H để trên ghế, quan sát không thấy ai để ý, T lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi quay lại bàn trước cửa nhà ngồi một lúc sau đó đi về. Về đến nhà, T giấu chiếc điện thoại vừa trộm cắp được trên thanh xà ngang dưới mái chuồng gà rồi sang nhà bạn ngủ. Sáng ngày 24/9/2020, bà Lê Thị A (mẹ của T) dậy cho gà ăn, phát hiện chiếc điện thoại, bà A gọi điện cho T. T nói với mẹ đây là điện thoại của T, bị hỏng và bảo mẹ nhờ bố (là ông Nguyễn Văn T) mang điện thoại đi sửa. Cùng ngày, ông T và bà Trương Thị H, sinh năm 1986, trú tại Thôn T, xã Tr, huyện Y (bạn cùng làm ăn với ông T) mang chiếc điện thoại đến quán sửa chữa điện thoại ở thành phố Q (không nhớ tên quán) để sửa.

Ngày 25/9/2020, Đỗ Thị H đến Công an huyện Y trình báo sự việc. Đến khoảng 20 giờ ngày 25/9/2020, sau khi ông T, bà H đến quán lấy điện thoại thì được Công an huyện Y thông báo chiếc điện thoại ông T mang đi sửa là tang vật vụ án, ông T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63 ngày 02/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo loại Y20 có giá 3.854.370 đồng (*Ba triệu tám trăm năm mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Trên cơ sở kết luận điều tra về hành vi của bị cáo, ngày 30/11/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y đã ban hành cáo trạng số 105/CT- VKSYS truy tố Nguyễn Văn T về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Đỗ Thị H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến người bị hại: người đại diện của bị hại là bà Nguyễn Thị H trình bày nội dung vụ việc đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Tài sản bị trộm cắp đã

được trả lại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin lỗi gia đình bị hại và xin HĐXX cho hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở kết luận: khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/9/2020, tại nhà Lê Thị N ở thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại Y20 của chị Đỗ Thị H trị giá 3.854.370 đồng (*Ba triệu tám trăm năm mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX nhận định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Về hướng xử lý: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy cần xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản. Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng: sau khi thu giữ cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại Y20 cho chủ sở hữu hợp pháp nên HĐXX không đề cập xử lý.

[7] Bà Lê Thị A và ông Nguyễn Văn T không biết việc bị cáo Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

*** Về hình phạt:** Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về án phí:** Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: Bị cáo, bị hại, người đại diện bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/12/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã K;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà Đặng Thị Huệ Nguyễn Văn Toàn

